

# TỤC CAO TĂNG TRUYỆN

## QUYỂN 24

### CHƯƠNG V: HỘ PHÁP

#### TRONG PHẦN 1 CHƯƠNG V

(chánh truyện có sáu vị, phụ có bốn vị).

1/ Truyện ngài Thích Đàm Vô Tối trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô thời Đông Ngụy.

2/ Truyện ngài Thích Đàm Hiển sống bất định ở thời Bắc Tề.

3/ Truyện ngài Thích Tĩnh Ái ở non Tỵ Thế núi Chung Nam, thời Bắc Chu (Tuệ Tuyên).

4/ Truyện ngài Thích Đạo An trụ chùa Đại Trung Hưng ở Kinh đô, thời Bắc Chu (Tuệ Tuấn, Tuệ Cảnh, Bảo Quý).

5/ Truyện ngài Thích Tăng Miễn trụ chùa Quả Nguyên ở Tân Châu, thời Bắc Chu.

6/ Truyện ngài Thích Tăng Mạnh trụ chùa Vân Hoa ở Kinh đô, đời Tùy.

#### ***1- Truyện ngài Thích Đàm Vô Tối trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô:***

Thích Đàm Vô Tối, họ Đổng, người ở xứ Võ An. Sư là người linh ngộ thấu suốt sâu mầu, thấm đượm huyền bí. Thuở thiếu thời, Sư bảm thọ đạo hóa, tiếng tăm tỏa khắp triều đình, thôn dã. Là vị tướng tốt của Tam Bảo, là nước vàng nóng trong thời Tượng pháp. Sư phúng tụng kinh luận, giữ vững Luật Bộ, riêng yêu thích Thiền-na, tâm rộng tĩnh lặng. Bấy giờ, Sư thường hành cấp dẫn, mọi người đều suy tôn. Sư kiêm thông suốt cả Huyền nho, rất giỏi Luận đạo, nên khiến bầy chúng trông nhìn vết trần mà im lặng mọi ồn náo. Sư nhàm chán tình đời, sắp bỏ bốn bộ, hành thí dạy răn cứu giúp phần nhiều lấy giới cấm làm đầu, phát động căn cơ chúng sinh, tin dùng như mây bủa.

Sư từng thuyết giới chùa Sùng Tông ở Hàm Đan. Đồ chúng có hơn ngàn vị, đều thường theo học môn. Đến ngày ba mươi tháng tư, lúc Bồ-tát hành trì (phát thẻ) y cứ theo vị thứ mà trao nhận trì, thường tính đến ngoài thì có hơn sáu mươi một vị. Sư ngồi ở đầu tòa rất lấy làm lạ, đã không có chúng bên ngoài, suốt đêm Sư hoài nghi. Đến sáng sớm kiểm lại, có người thấy từ phía tây thành Hàm Đan mà đến, đều là những vị Đại đức khác thường, y phục ngay ngắn, dáng vẻ khoan thai. Cũng có người thấy từ mặt phía Đông núi cổ mà đến. Hoặc có người gặp ở giữa đường, đều bảo là: “Đi đến chùa Sùng Tôn nghe tăng thuyết giới”. Vài người tiết lộ cung cấp tin như thế, xét về tuổi tác, nhân số ít nhiều đều hợp đủ sáu mươi vậy. Cho nên biết Đạo hợp Thánh tâm là khiến u linh từ xa giáng đến. Quần ẩn Trúc Lâm rõ chẳng phải vọng tiếp thừa. Đức của Sư đượm hợp Thích tông thường vẻ vang ở đương thời.

Về sau, Vua ban sắc mời Sư trụ chùa Dung Giác ở Lạc Đô. Chùa đó do Thanh Hà Văn Hiến Vương Dịch xây dựng. Hiến vũ rộng rãi vây quanh đến ba dặm. Sư giỏi mở mang dẫn dắt, khéo thông đạt các Kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm. Tăng chúng có hơn ngàn vị, thường hành trì Đạo nghiệp không biếng trễ. Có Sa-môn Bồ-Đề-Lưu-Chi người xứ Thiên Trúc thấy Sư bèn kính lễ, gọi Sư là “Đông Đô Bồ-tát”. Và thường xem đọc Bộ “Đại Thừa Nghĩa Chương” do Sư soạn và luôn búng ngón tay ngợi khen là hay, đồng thời phiên dịch thành tiếng Phạm gửi truyền đến Đại Hạ. Ở phương ấy, những vị đọc xem đều hướng về phía Đông kính lễ tôn xưng Sư là bậc Thánh! Và thường lấy đó làm chính trong việc hoàng Pháp.

Niên hiệu Chánh Quang thứ nhất (520) thời Nguyên Ngụy, Vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) thêm triều phục đại xá, thỉnh các vị Sa-môn và Đạo Sĩ vào điện. Sau khi thọ trai xong, Thị Trung Lưu Đằng tuyên sắc “thỉnh các vị Pháp Sư v.v... cùng các Đạo sĩ luận bàn Đại Nghĩa”. Bấy giờ, Đạo Sĩ Khương Bân ở Thanh Đạo Quán đối luận với Sư. Vua hỏi: “Phật và Lão tử có sinh đồng thời chăng?” Khương Bân nói: “Lão Tử đến phía Tây giáo hóa người Hồ thành Phật, Phật làm thị giả. Có Văn xuất xứ rõ ràng ở “Lão Tử Khai Thiên Kinh, y cứ theo đó tức là đồng thời”. Sư hỏi rằng: “Lão Tử sinh đồng thời với Vua nào? Năm nào đến Tây vực?” Khương Bân đáp: “Lão tử sinh đêm mười bốn tháng chín năm thứ ba (604 trước tây lịch) thời vua Định Vương nhà Đông Chu, người làng Khúc Nhân, ấp Lệ, huyện Khổ, quận Trần, nước Sở. Đến năm thứ tư (582 trước Tây lịch) thời Vua Giản Vương (Cơ Di) nhà Đông Chu, giữ chức Thủ Tạng lại. Đến năm thứ nhất (519 trước tây

lịch) thời vua Kính vương (Cơ Cáo) Nhà Đông Chu, lúc đó Lão Tử đã tám mươi lăm tuổi, thấy nền Đạo đức nhà Chu quá suy sụp, bèn cùng Tán Quan lệnh y Hỷ đi về hướng Tây đến giáo hóa làm người Hồ, y cứ theo đó thì rõ”. Sư bảo: “Đức Phật sinh ngày mồng tám tháng tư năm thứ hai mươi bốn (977 trước tây lịch) thời Vua Chiêu Vương (Cơ Hạ) nhà Tây Chu, thị tịch ngày mười lăm tháng hai năm thứ năm mươi hai (924 trước Tây Lịch) thời vua Mục Vương (Cơ Mãn) nhà Tây Chu. Tính từ ngày Đức Phật nhập Niết-bàn trải qua ba trăm bốn mươi lăm năm mới đến năm thứ ba thời vua Định Vương (Cơ Du), là năm Lão tử mới sinh. Sinh đã tám mươi lăm tuổi, tức đến năm thứ nhất thời Vua Kính Vương là đã trải qua bốn trăm năm mươi năm. Lão tử mới cùng y Hỷ trốn đến Tây Vực. Như vậy thời gian năm tháng cách nhau quá xa, há chẳng phải sai lầm ư?” về niên đại trên đây không được chính xác khi tính kỹ lại. Khương Bân nói: “Khổng Tử chế pháp bậc Thánh, đương thời Phật không có Văn ghi chép hay sao?” Sư bảo: “Họ Khổng có ba Bị Bốc Kinh, Văn từ của Đức Phật phát xuất từ trong bị. Kiến thức của nhân giả đồng như ống trúc mà nhìn chẳng được rộng xa, làm sao có thể thấu đạt được”. Vua bảo Thượng thư lệnh nguyên Hựu tuyên sắc Đạo Sĩ Khương Bân luận đối không có Tông Chỉ, nên bảo xuống khỏi chỗ ngồi. Lại bàn luận về “Khai Thiên Kinh” do ai nói ra? Trung Thư Thị Lang Ngụy Thâu, Thượng thư lang Tổ Oánh đến Quán lấy kinh. Thái úy Tiêu Tống, Thái Phó Lý Thật, Vệ úy Lý Bá Đào, Lại Bộ Thượng thư Hình Loan, Tán Kỵ Thường thị Ôn tử Thăng v.v... gồm tất cả một trăm bảy mươi người đọc kinh xong, tâu rằng: “Lão tử chỉ soạn năm ngàn lời văn, ngoài ra không có ngôn thuyết. Theo sự bàn nghị của chúng thần v.v... thì Khương Bân phạm tội mê hoặc quần chúng”. Khi ấy, Vua phạt tội cực hình đối với Khương Bân. Tam Tạng Pháp sư Bồ-Đề-Lưu-Chi tha thiết can ngăn, Vua mới thôi và đày đi Mã ấp.

Sở học của Sư vô cùng tài giỏi, vẻ vang tiếp nối trong Ngụy Sử, sách vở rất nổi tiếng lan khắp các nước, khiến các hàng Đại Nho Triều Sĩ đều hạ mình quy y. Phật pháp Trung hưng chỉ có Sư khai mở. Không rõ về sau Sư thị tịch ở tâm.

## ***2- Truyện ngài Thích Đàm Hiển sống bất định ở thời bắc Tề:***

Thích Đàm Hiển, không rõ Sư là người xứ nào. Cuối đời Ngụy, Sư đến trụ quanh vùng Nghiệp Trung, tạm dừng ghé ở chùa tăng, không nơi cố định. Mỗi lúc nơi nào có pháp hội thì Sư có bước đến, và điều hỏi thông liễu nghĩa ẩn văn. Ngoài ra thì tự xưng dài, tán thuyết, liền bỏ

đến giảng hội khác. Mãi về sau, ngài thấu hiểu đến mật lý, nêu bày ở tại nghe. Người đương thời do đó mà lấy làm lạ. Nhưng nhìn hình nghi của Sư thì ăn mặc lam lũ, dung tướng chẳng sạch sẽ. Sư lại thô tháo nên mới đầu không ai đoái hoài, chỉ có Pháp sư Thượng Thống rất rõ biết sự nhận biết sâu xa của Sư, riêng ban cấp các vật dụng để Sư điều lượng uống ăn. Hoặc có lúc Sư bị mê nằm bên vệ đường, có khi lại trong sạch vượt trội, sửa sang thần khí.

Đến đời Vua Văn Tuyên Đế (Cao Dương) thời vận nhà Bắc Tề hưng thịnh. Vào niên hiệu Thiên Bảo (550-560), Phật giáo và Đạo giáo đua nhau cạnh tranh hơn kém. Gặp lúc Đạo Sĩ Lục Tu Tĩnh vọng thêm lắm sự xuyên tạc, đặt ra nhiều trai nghi buộc ràng rất tốn phí, trong ý muốn các hàng vương giả vâng giữ. Cũng gặp thời Vua Võ Đế (Tiêu Diển) nhà Nam Lương mở vận, niên hiệu Thiên Giám thứ ba (504), Vua ban sắc phế bỏ Đạo giáo. Tự tay Vua soạn sổ, văn từ rất khắp cùng. Lục Tu Tĩnh không dẫn nỗi sự tức giận ấy bèn cùng môn nhân và những người ở vùng biên giới làm phản vào đất Bắc Tề, lại dốc hết vàng ngọc cấp tặng các hao tổn đi đường. Dùng việc cấm kỳ để giúp phục hưng Đạo Pháp. Vua Văn Tuyên Đế bị mê hoặc, mới ban sắc mời các Sa-môn cùng với Đạo Sĩ bàn về Đạo thuật. Khi đó các Đạo Sĩ chú nguyện cho y bát của các Sa-môn hoặc bay lên, hoặc chuyển động, hoặc chú nguyện cho rường cột ở các nơi nằn ngang, đứng dọc trên mặt đất. Các Sa-môn chẳng từng học về các phương thuật bèn im lặng không đối đáp gì. Các hàng sĩ nữ đua nhau ồn náo, mọi tầng lớp sang hèn thay đổi tâm tư, đều cho đồ chúng của Lục Tu Tĩnh là cao siêu. Lục Tu Tĩnh mới cao giọng khoe khoang huyền hoặc Đạo thuật, nói rằng: “Thần thông quyền bày để đê bẹp sự khinh thường. Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện. Nay mới thử nêu chút thuật mà đều từ khuất thối lùi, việc như vậy cũng đủ để thấy biết”. Vua Văn Tuyên Đế bảo Pháp sư Thượng Thống sai người thi đấu với Lục Tu Tĩnh. Ngài Thượng Thống bảo: “Phương thuật là kỹ nghệ nhỏ mọn, hàng Tục nho còn xấu hổ với cõi lòng, huống gì là với người xuất gia ư? Tuy nhiên, Thiên mạng bảo thi đấu với nhau, đâu được không nói, bây giờ hãy sai vị tăng ngồi ở dưới cuối cùng để đối đáp”. Bấy giờ, Sư đang ngồi ở sau cùng say mèm trong cơn vui chén, mọi người cùng đỡ lên tòa. Nhân đó, Sư đứng cười. Cả chúng đều lo sợ, nhưng vì ngài Thượng Thống sai bảo nên không ai dám có lời ngăn cản. Ngài nói với các Đạo Sĩ rằng: “Vừa rồi khoe bảo ta hiện thuật một thì cùng hiện đến hai, điều ấy rất đáng có”. Và ngay trên tòa, Sư đứng một chân, bảo rằng: “ta đã hiện một rồi, các ông hãy hiện hai

đi”. Các Đạo Sĩ không một người nào đối đáp. Sư bảo: “Vừa rồi chú thuật khiến các y vật bay lên là các ông thử thuật”. Sư bảo đem y bát của Thiền sư Tăng Điều đến và bảo chú thuật vào đó xem. Các Đạo Sĩ chú thuật đều không lay động gì cả. Vua Văn Tuyên Đế sai mười người nhắc lên, cũng vẫn như cũ không lay động. Sư nắm y đặt lên trên các xà gỗ vẫn điềm nhiên không ứng nghiệm gì. Các Đạo sĩ nhìn nhau thất sắc, còn cho rằng biện luận là hơn, bèn bảo rằng: “Nhà Phật tự xưng gọi là Nội. Nội tức là nhỏ. Gọi Đạo gia là Ngoại, ngoại tức là lớn”. Sư liền ứng tiếng bảo rằng: “Vậy thì Thiên tử ở trong (Nội) thì nhất định là hàng thứ nhân nhỏ”. Lục Tu Tĩnh cùng đồ chúng đồng ngâm miệng không nói được thêm lời nào. Vua Văn Tuyên Đế ngồi nơi tòa tự nghĩ nên ẩn tàng chăng? Đồ chúng Đạo sĩ ấy ngay ngày hôm đó đều bỏ tà theo chánh, cầu xin Sư tế độ, người nào chưa phát tâm thì Vua ban lệnh cho cạo tóc nhuộm áo. Nên người bị chém đầu chẳng phải một. Những người tự xưng là Thần Tiên, đều bước lên Tam Tước Đài, và bảo hãy tự nhắc mình bay đi, tất cả đều rơi xuống đất. Ngụy vọng ngay đó bị hàng phục ban sắc chiếu rằng: “Pháp môn không hai, Thật Tông chỉ một, cầu ở đường chánh, vắng lặng làm gốc. Đạo giáo cúng tế rượu là giả vọng trong đời, người đời chưa tỏ ngộ mới tôn sùng cầu kính. Men rượu Hoàng Bá là mùi vị thanh hư. Nao nấu quá trửa là ngọt ngon. Từ bi xa cách hẳn. Trên khác với nhân từ, dưới trái với phép cúng tế. Nên đều cấm bắt chẳng được vâng thờ. Phân ban khắp xa gần, khiến đều nghe biết”. Còn các Đạo Sĩ quy phục đều giao cho Chiêu Huyền Đại Thống Thượng Pháp Sư độ cho xuất gia, có nói rõ như trong Biệt truyện. Bấy giờ, khắp xứ Bắc Tề đều nhất tâm kính thờ Phật. Trong nước không thờ hai tôn giáo. Mãi đến thời vận nhà Tùy dần dần Khai tông. Đến nay tại Đông Xuyên tiếp nối còn rất ít.

Người viết truyện (Đạo Tuyên) có lời rằng: “Đạt hóa hộ trì dung thông còn nổi tiếng ở thời nhà Tần, nhỏ vì đạt đến xa. Ngài Đàm Hiển nổi tiếng công lao ở thời Cao Tề, biết được người khó thay! Ngài Thượng Thống suy lường về phong cốt thì như chân ngựa giỏi vượt xa ngàn dặm. Khác đời cùng giá cưỡi, dùng dung mạo mà lấy người. Mất đó từ xưa, thì nhọc trang sức đen vàng. Tại sao có thể kháng đối ư? Ngài Đàm Hiển rất ráo là người phóng đạt lưu tục, thắm trốn giữa người đời, không biết ra sao.

### ***3- Truyện ngài Thích Tĩnh Ái ở non Tỳ Thế núi Chung Nam:***

Thích Tĩnh Ái, họ Trịnh, người xứ Vinh Dương. Sớm nêu vinh dự

thế tục, vì ôn nhuận mà nổi tiếng. Thần khí Sư giản dị nổi bậc ngoài vật. Vừa mới là Thư sinh mà rộng chí kinh sử, những bậc tài giỏi trong giòng họ Trịnh đều lấy làm lạ mà bảo là “Người làm hưng thịnh dòng tộc ta chính là đứa con này!”. Sư cùng các bạn đồng hàng đi đến chùa, trông thấy hình vẽ địa ngục, Sư ngoái lại bảo các bạn rằng: “Kỳ lạ thay! Xét về nghiệp lý nếu hẳn như vậy thì ai có thể trách khỏi sự khốc liệt này?” Bèn gượng trái lời tha thiết can ngăn, cha mẹ Sư không thể đoạt hẳn chí khí, bà con giòng tộc cố giữ, mà Sư quyết xé lưới ái buộc ràng, tình phân như đá. Bèn một mình đến chùa Ngõa quan, nương theo Thiền sư Hòa được xuất gia. Lúc đó Sư vừa mười bảy tuổi.

Từ khi thọ giới cụ túc về sau, Sư tiếp thừa kính ngưỡng luật nghi, hộ trì trong sáng đào luyện, rất được mọi người đương thời kính trọng. Sư lại đến chỗ Pháp sư Cảnh, nghe học Luận Đại Trí Độ. Chỉ một lần nghe qua mà thần trí tỏ ngộ, mở thoáng nhiều lớp sâu kín. Sư lại y cứ theo những hiểu biết trước, bèn rõ là lạm thuật. Ngài đi khắp đất Tề, thưa hỏi những vị biết luật, các trường giảng luận, đường Sư chóng tỏ bày qua lại, từ lệnh rõ ràng cao nhã, lý vượt trong sáng, đều lược không thừa tiếp dẫn dắt, trọn đời sống trong phiến lụy. Sư bèn tự vỗ vào tim, bảo rằng: “Ta sinh năm bất hạnh, gặp thời năm trước hỗn loạn, mất nơi vật bàn luận, được điều xem thường. tới lui chỉ hang núi, có thể bước xa chăng?” Bèn tâm miệng cùng buồn đuổi ảnh nơi Tung nhạc, tìm gồm các kinh luận để quên ngủ nghỉ. Nhưng đối với bốn bộ Luận Đại Trí Độ, Trung Luận, Bách Luận và luận Thập nhị môn, Sư rất có tâm kính chuộng. Ngoài ra thì gom nhặt Dị tông, trở thành thông chiếu. Sư nói năng thì văn vẻ như lụa tảo chuỗi nối châu liền, viết lách cũng thảo hành thông suốt nhau. Cao được đời kính trọng, ít chỗ không tốt lành. Sau, Sư tự tỏ ngộ rằng: “Trau chuốt văn từ trái với lý thật, thảo thật thì loạn chân. Há rong ruổi quên trở về, chẳng nghĩ trừng ngại ư?” Từ đó Sư thệ nguyện đoạn dứt. Chỉ vì mở lối đường đi về hướng Đông và thưởng vị nghe trước. Sư sợ nhuốm vào bến tà, hối hận ở học muộn. Lại đến núi Bạch Lộc, xa trông xem Hoàng Lão, rộng đường nhiếp thọ. Trang Tuệ lừa dối ngụy nêu luận ngụ ngôn, không được mền chuộng.

Nghe có vị Phạm tăng - người Tây-trúc là bậc thạc học cao hạnh người đời không thể lường biết. Đi về hướng Tây đến Hàm Dương, Sư cầu đạo tình mạnh mẽ, vui mừng với sự thấy nghe. Riêng qua quan ải, năm lìa nóng lạnh. Đã đến Vị âm, chưa kịp rửa chân, Sư liền tỏ bày thaam yết cung kính. Xưa nghe nay thấy, thấy nhiều hơn nghe. Cổ xúy mở mang, vốn thưa hỏi không chỉ. Sư bèn trầm mình trong hàng ngũ,

đào luyện hiểu biết xưa cũ, hoang phế nhường trốn, ít người biết ta, dồn nén mười năm, thấu đạt số cùng thông, hiểu rõ lý nhân duyên. Gá tiết tại núi Chung Nam, có chí muốn trọn đời ở đó. Mây mốc gió trắng che mờ quên trở lại. Núi ấy tên là Ty Thế, Sư gá nương đó mà thưởng vị tĩnh lặng, chỉ một giường dây dưới hiên, không có am nhà, sương lửa điều tiết, dứt bật mọi tạo dựng, Sư kêu gọi số người bị bệnh cùi đến, đem chí lý mà dạy bày cho họ, cung cấp cho họ. Mỗi ngày đến ăn. Tuy gặp phải máu mủ dần dụa, khốc lóc mà không nhờn gớm. Do đó các hàng muốn Túc tâm tìm đến nhóm kết trong rừng, Sư đem nghĩa phương mà trao truyền chỉ dạy. Học chúng rất đông đúc. Ở núi vốn không có nước, cần dùng thì phải uống nước khe suối. Có lần trong đêm tối, vị thị giả đang đứng hầu Sư, bỗng thấy một con hổ đi lại phía trước đưa chân bới đất rồi bỏ đi. Đến sáng ngày ra xem, dần thấy đất thấm ướt, bèn sai người đào bới thêm, tự nhiên có dòng suối vọt lên. Từ đó không còn phải xuống khe suối, nếu cần nước thì lấy ngay đó mà dùng. Nay chính là suối Hồ, ở bờ núi Ty Thế thuộc Cốc Tích.

Sư lập thân nghiêm kính, đạt giải vượt khác thường. y cứ nơi núi rừng mà giảng dạy đồ Chúng. Sư chuyên giảng bốn bộ luận trước. trong ý Sư với sự truyền trao là vui cùng dẫn lợi. Khuôn phép của Sư nói pháp, thì đối với người có tâm tôn kính mới diễn giải cho nghe. Hẳn nhiên khiến bảo học Chúng chấp tay cung kính, ân cần trịnh trọng, trải qua thời gian mới toại ý. Sư bèn bảo đem giường dây thiết đặt chung quanh, cung kính cùng ngồi xong, Sư từ từ lấy quyển luận văn, tự tay trích lấy một câu một kệ, nêu bày giải thích lấy sự tỏ ngộ. Nhìn lại hỏi thính chúng đã hiểu rõ như thế nào, khiến họ phải thấu đạt ý, ngài mới tiến đến bài kệ sau. Nếu có người chưa hiểu, Sư lại trình bày. Hằng ngày, Sư giảng pháp này, không hề biếng trễ. Sư thường tự tỏ bày rằng: “Bởi tôi nhàm chán giáo pháp, khinh mạn giáo pháp, nên sinh nhằm đời không gặp Phật. Dù nghe được lời di giáo nhưng tâm không kính tin vâng giữ, nên thường có tâm tầm tức, cuối cùng phải rèn luyện thân tâm này. Có lúc thử buông lung, chỉ muốn thật tâm làm điều ác. Có lúc nhiếp niệm, chỉ mong giả tu điều lành, như thế chẳng gọi là an thân, như thế chẳng gọi là thanh tâm. Cho nên ràng buộc chính mình mới dạy răn người được, thật chẳng phải chánh kiểm, nhưng ở trong đời mạt pháp, căn duyên phần nhiều tương tự, nếu ai nhàm chán phiền khuấy thì phải ở, người chẳng từ cụ nghi thì lia bỏ đây”. Sư khai ngộ mê mờ, khuyến khích cố gắng đều giống như thế.

Có Sa-môn Trí Tạng thân tướng mạnh mẽ, trí tuệ thấu đạt, rất có

tiếng tăm. Vác hai thạch lương thực đến núi hởi Đạo. Nhân thấy oằn nhánh chuyên cây, đùa tự xưng thân, tình cờ bị Sư trông thấy. Ban đầu, Sư không quở trách bảo ngưng, ba ngày sau, Sư mới gọi đến mà trách rằng: “Trong bụng thức ăn của người khác, sao được liền đùa bỡn? Nếu tự nuôi dưỡng như thế, thì gọi đó là chó hai chân.” Ngài Trí Tạng khóc lóc sấm hối lỗi lầm, nhưng ngài (Tĩnh Ái) không nhận lại, bèn bảo xuống khỏi núi.

Sa-môn Đàm Diên và Đạo An, ở đời tôn xưng là “Huyền môn nhị kiệt” (hai người tài giỏi trong nhà Phật) là đánh lọng ở đương thời, danh đức đều cao quý. Đến lúc luận về giáo thể thì tranh cãi do đó phát sinh, bèn thưa hỏi Sư để lấy phán quyết. Sư khước nhường từ chối giây lâu mới khai tan cho. Cả hai vị kia tâm tình cùng vui vẻ, bất chợt mà rất mực kính lễ, mỗi gọi người qùy một chân mà thưa rằng: “Đại Sư thấu hiểu như trời soi xét, nên ở nơi Đời mà dẫn dắt. Nay chỉ làm cho tự tâm mình tốt đẹp, tan đức nơi suối đá, chưa thấy khả năng ấy!” Sư bảo: “Đạo quý ở hành dụng, chẳng ở lời nói. Tôi xét quán thời cơ tiến thối, cho nên ẩn cư cầu chí.” Về sau có sự cố, Sư vào thành rồi về lại nơi rừng chằm.

Vào thời vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) nhà Bắc Chu, Đạo Sĩ Trương Tân đối trá xem thường vua, mạo phạm thêm nơi vinh hạnh ân sủng, thậm đưa đẩy Đạo giáo lên trong ý muốn phế dẹp Phật giáo. Đã tha hồ nơi cửa tía, ruồi bay ở nhà vàng, cùng vị tăng trước kia là Vệ Nguyên Tung môi mép xứng hợp. Vua tinh ngộ sáng xét, bên trong nóng bừng bề ngoài giả bộ ôn hòa, mời chư tăng vào nội cung suốt bảy ngày đêm lễ sám, muốn đích thân trông thấy tội đã phạm, mong tỏ bày giữa Điện những lỗi lầm. Bấy giờ, chư tăng đã thâm biết nên đều vội đến. Vua cũng suốt bảy đêm cùng chư tăng không ngủ, vì chư tăng phúng tụng và tu các pháp sự. Tiếng kinh suốt bảy đêm vang vọng, không lời nào chẳng trong lành tốt đẹp. Pháp sự xong, Vua đặt bày trai hội, trình bày bốn ý. Có Pháp sư Mãnh là người khí điệu cao trội, đích thân chống kháng yếu chỉ của Vua, lời nói rất kích thiết. Mọi người đều sợ ương lụy vào thân, Vua chỉ thuật lại nỗi lòng, không hề tha thứ. Sư nghe thế mà than rằng: “Đỏ tím lẫn lộn, hạng cuồng triết giao xâm đến thế, có thể khiến cho năm chúng chia lìa, bốn dân điên đảo lầm hoặc thay!”. Sư lại bảo: “Ăn dùng gạo thóc của nhà Chu, uống nước nhà Chu. Ăn quả dâu mà ngậm tiếng, sao không báo đáp ân đức? Lại là đệ tử Phật, đâu thể thấy sự đắm chìm này mà ngồi đây hình hài an nhiên tự tĩnh. Thà đại tạo ở thời Tượng Mạt, phân tâm thịt ướp nơi Đạo chích”. Sư bèn đi tắt



đến nơi cung quyết, dâng biểu văn nêu lý cáo xích. Được dẫn lên điện, Sư đưa tay xưng lời rằng: “Ý tôi đến đây có hai việc: Một là Báo đáp Từ Ân của Tam Bảo, hai là đền trả đức dày của Đàn việt”. Và Sư xin dẫn kinh luận Tử sử, Truyện ký, bàn nói chánh nghĩa, chứng cứ hiển nhiên. Từ sáng sớm đến giờ ngọ, nói không lời nào chẳng đến, rõ ràng lý không thể phá diệt. Lời qua tiếng lại đối kháng như nước chảy. Từ ngữ mạnh sắc cứng rắn không nhiều động. Trăm quan cận thân thay thế lo sợ, nhưng Sư thần khí vẫn tự nhiên, không trở ngại phong thái trắng trong. Vua Võ Đế tuy thỏa thích với Văn từ nghĩa lý ấy, nhưng tâm hủy diệt đã quyết. Đã không nghe lời can ngăn, cũng chẳng đuổi đi, nên Sư lại đến trình tấu rằng: “Phật và Đạo, tà và chánh, người pháp lẫn lộn, tức có thể dùng sự mà cầu, không phiền Thánh lự. Tình Bệ hạ hẳn không riêng ẩn, đục trong phải phân rành. Xin đem đặt vạc dầu ở giữa sân điện, lấy Nhân pháp của hai tông mà nấu. Bên nào không hại được thì vẫn đứng yên, có thể biết!”. Vua khiếp sợ lời nói ấy, bèn sai dẫn Sư ra. Bấy giờ, lại có Sa-môn Đạo Tích ở Nghi Châu lại ra can ngăn, Vua đều không nghe lời. Ngài Đạo Tích bèn cùng đồng bạn cả thầy bầy người đến trước tôn tượng đức Phật Di-lặc, lễ sám bảy ngày. Đã chẳng ăn rồi đồng một lúc cùng qua đời.

Sư biết Đại Pháp sẽ bị diệt, không thể hơn nổi sự bạo ngược ấy, bèn dẫn môn nhân hơn ba mươi người vào núi Chung Nam, khắp đông tây xây dựng hai mươi bảy ngôi chùa, nung gá nơi núi non hiểm trở, giúp chư tăng lánh nạn còn được niềm tin sâu xa. Sau khi pháp diệt, Vua bèn phá hết chùa Phật của Quan, của riêng khắp các vùng Đông Tây từ quan ải đến núi non đã được tạo dựng đời trước trong vòng hai trăm năm trở lại, quét đất sạch hết. Nạo gót thánh tượng, thiêu đốt kinh điển. Bốn ngàn ngôi chùa miếu ở khắp tám Châu Võ, Cống v.v... đều tặng cho các Vương Công, sung làm vườn nhà. Chư Tăng ở ba châu giảm còn ba trăm vạn đều trở lại làm quân dân, trở về với biên hộ. Của cải ruộng phước Tam Bảo, vô số sổ sách đều đưa vào Quan, liền để thưởng phí, phân tán sạch hết. Mới đầu từ tháng năm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Chu, thực hiện bạo ngược tại Quan Trung. Họa ấy đã chấm dứt. Đến ngày mười lăm tháng sáu năm đó, Vua bãi triều. Có Kim Thành Công Nhâm thị Bộ ở tại chỗ tri phủ cùng mọi người chung quanh nhìn lên trời, bỗng thấy năm, sáu vật tung bay giữa hư không ở đường chim. Vật lớn ở trên sát với mây xanh, lớn bằng mười học tròn, rồi dần dần nhỏ lại và biến mất. Ngoài ra vài vật nhỏ lại bay thấp dưới, màu vàng nhạt, cuộn duỗi giữa hư không tương tự như lá phướn không

chân. Ngày đó trời trong khí lắng, mảy bụi chẳng động, chỉ tăng thêm hơi ấm nóng mà thôi. Nhân đó Nhâm thị Bộ đi đến Đông Quan phủ vườn đất Đạo Kinh, nhìn về hướng Bắc thấy trên vách tường có quyển sách màu vàng trải dài trên lùm bụi gai. Khi đến thì thấy là Kinh “Ma-ha Bát-nhã” quyển mười chín. Hỏi về nguyên do. Đáp là từ trên trời bay xuống, rồi rơi ở đây.

Bấy giờ, Tam Bảo mới bị hoại diệt, hình pháp lẩn lướt, lược bày liên tịch của quan, Nhâm thị Bộ bèn cất giấu trong tay áo, đem về giấu kỹ trong hòm sách. Mãi đến lúc nhà Tùy mở vận, chuyển ra thu nhận lấy Ký Châu, mới bảo Sở Bộ Tùng Sự Triệu Huyền viết lời tựa rằng: “Có Cư Sĩ thanh tịnh kính tin đang là Quan cụ nên thân bị ràng buộc trong tục lụy, mà tôn kính Pháp lý, tinh cảm Minh linh thần hóa điềm ứng ấy, bèn khiến các Bộ kinh bay lên, uốn lượn trên cao, riêng có một bộ gió cuộn trở lại, như quạ đổ giáng xuống. Các kinh bay đi tức ý chỉ rõ không ở trong đời xấu ác, còn kinh trở lại là biết người lành sẽ nhóm họp. Ứng với điềm lành như kia, thánh trước như thế. Hoàng Đế triều đại nhà Tùy ta ra chấn tiếp thừa mạng trời lại bày cầm sắt. Thân gần nơi cử phục, tự thân rảo cùng, tám xứ phế hoang. Biết Tam Bảo là chỗ đáng kính tin, hiểu bốn loài hẳn không bền chắc, vua bèn ban lệnh khắp trong nước sửa chữa thanh tịnh các chốn già-lam. Là muốn khiến trong thời tượng pháp chan hòa đồng như ở Xá-vệ, Tăng-ni quanh quẩn trở lại Hà Đê. Đặc biệt vì kinh tượng này là minh linh hiển trước. nếu chẳng tự chứa nhóm gốc lành thì làm sao có thể được như thế? Cầm sự tiêu biểu tán dương, truyền tỏa hương thơm cho đời sau!”.

Mới đầu, Vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu nhận biết chí khí mãnh mẽ của Sư, vui mừng muốn được trông thấy, bèn ban sắc các quan Tam Vệ hơn hai mươi người tuần rảo khắp núi, tìm kiếm y gia Đạo nhân, bảo là: “Trẫm sắp lên ngôi vì Thượng Khanh cùng trị vì Thiên hạ!” Sư vốn ở nơi núi sâu ẩn, tìm tông vết không được. Sau, Sư lại đến hang cốc Tích ở núi Thái Nhất ngâm trốn. Thấy Đại pháp bị bỏ phế, các hàng tăng tục không nơi nương tựa, thân bị bắt giữ buộc ràng, không có khả năng cứu vớt, Sư bảo với đệ tử rằng: “Tôi sống ở đời thật Vô ích, sắp muốn xả thân nên báo rõ trước!”. Ban đầu, chúng không bằng lòng, kính mến muốn theo Sư để nghe pháp. Sư bèn mở xem các kinh điển Đại, tiểu thừa, soạn ra “Tam Bảo tập” hai mươi quyển, giả khởi chủ khách, nhóm họp để dứt trừ nghi tình. Dè nén, nâng bốc, bay liệng, nằm phục, Văn nghĩa rộng khắp, mở mang khen ngợi Đại thừa, làm tỏa sáng ở đời tượng pháp, và ghi chép mọi sự thấy biết như chỉ trong lòng

bàn tay dễ thấy, mong cất giấu ở các hang động, ngõ hầu đời sau trở lại hưng thịnh!

Từ khi Sư vào Đạo, chuyên thực hành pháp môn Đại Từ, dầy hoa gấm da không một lần mặc qua, chỉ mặc áo vải bố cho đến trọn đời. Sau, Sư nhằm chán thân tình, bèn một mình nương tựa nơi hang riêng. Sư bảo vị thị giả xuống núi sáng mai phải lên sớm. Sư bèn ngồi kiết già trên tảng đá, để lại một chiếc áo trong, tự điều thân thịt phân cắt từng mảnh để ra trên đá, kéo ruột treo lên trên cành cây thông, ngũ tạng đều đưa ra ngoài trông thấy, còn lại gân thịt tay chân đầu mặt đều chặt ra hết, và chỉ còn bộ xương nguyên hiện, dùng dao cắt quả tim, hai tay bưng lấy mà tịch. Vị thị giả trong tâm kinh hãi trọn đêm mất ngủ, sáng sớm chạy đến, còn thấy Sư chấp tay bưng giữ quả tim, mặt xoay về hướng Tây, những vết thương nơi hài cốt không một giọt máu, chỉ thấy sữa trắng chảy tràn ngưng đọng trên đá. Bền chất đá bít lấp bên ngoài để liệm. Lúc đó nhằm ngày mười sáu tháng bảy niên hiệu Tuyên chính thứ nhất (578) thời Bắc Chu, Sư thọ chỉ bốn mươi lăm tuổi.

Các đệ tử Sư đều rất có tiếng tăm ở đương thời, đầy đủ như trong các Biệt truyện. Người thị giả gần gũi hầu Sư là Sa-môn Tuệ Tuyên. Nội ngoại giáo điển đều thông hiểu, đặc biệt rất có chí lực, đau xót chẳng kính ngưỡng được ngọn núi đã đổ, buồn thương rường cột gãy hoại không nơi nương tựa, cho nên kể lại sự tích Sư, lập bia nơi tháp.

Về sau có người hỏi Đạo, nghĩ nhớ đến Hiền giả, vào núi kính lễ, men theo các sườn núi hiểm nguy, mới thấy Sư viết di kệ ở vách đá. Đề rằng: “Ban đầu muốn dùng máu để viết, bỗng ý chẳng cho là biến thành mầu trắng, tức mà Nghiệp Ma chẳng toại ý. Do đó dùng mực đen mà viết văn này!

Cùng tất cả các vị hữu duyên tại gia cũng như xuất gia, hoặc là Nam hoặc là Nữ, thấy đều khéo sống trong Phật pháp, chớ sinh tâm lui sụt. Nếu lui sụt tức là mất lợi ích lớn. Tôi vì ba nhân duyên mà xả bỏ thân mạng này: Một là thấy thân có lấm lỏi lấm, hai là không có khả năng che chở giữ gìn Chánh Pháp, ba là muốn chóng được thấy Phật, đồng với các bậc thánh xưa, nên nêu bày kệ sau:

*Thân không ích lợi  
Ghét phiền công người  
Phanh hình trên đá  
Tán thể mé thông.  
Trời, người, Tu-la  
Thần núi, thần cây*

Có người cầu Đạo  
Quán tôi bỏ thân  
Nguyện cho chúng sinh  
Thấy hài cốt tôi  
Thuyền lớn phiền não  
Đều bị đắm chìm.  
Nguyện cho chúng sinh  
Nghe tôi bỏ mạng  
Thành tựu Thiên nhĩ  
Rốt ráo Bồ-đề  
Nguyện cho chúng sinh  
Lúc nghĩ nhớ tôi  
Báo thân này bỏ  
Bốn Đại lạnh lùng  
Suối rừng lắng tuyết  
Hang núi không lời.  
Thí khắp chim thú  
Cho đến côn trùng  
Ăn thịt uống máu  
Đầy đủ gốc lành.  
Nguyện tôi tương lai  
Mau thành Thiện Thệ  
Thân tâm tự tại  
Cần phải cứu giúp  
Thân này dơ ứ  
Thấp hèn dấy phân  
Chín lỗ thường chảy  
Như bờ đê rỉ  
Thân này đáng chán  
Không đáng ngắm nhìn  
Da mỏng chứa máu  
Cấu bẩn bụi đầy  
Thân này hôi hám  
Giống như chó chết  
Ba sáu (36) vật hợp  
Chẳng từ hóa sinh.  
Quán thân bản này  
Vô thường gian hán

Tiến lùi chẳng khởi  
Gặp phải kiến, ruồi  
Thân này khó giữ  
Có mạng hẩn nộ  
Chôn chó gặm ăn  
Trợn thành giòi trùng.  
Trời, người Nam nữ  
Tốt, xấu sang hèn  
Lửa chết thiêu đốt  
Tạm thấy như sấm  
Sư chết lẩn người  
Oán trọng các oán  
Tôi lấy làm thù Thê  
dứt cội nguồn Thân  
này chẳng vui Tráp  
chứa rắn độc Bốn  
đại vây quanh  
Trăm bệnh giao nhau  
Tên là nhóm khổ  
Rừng già, bệnh, chết  
Thân tâm nóng bức  
Nhiều các lỗi lầm.  
Thân này không Ngã  
Vì chẳng tự tại  
Không thật tính rộng  
Phàm phu chấp chặt  
Lâu dài mê hoặc  
Vọng trái sai sử  
Tan mất gốc lành  
Súc sinh đồng chết  
Xả bỏ trăm ngàn  
Huyết sữa thành biển  
Xương chất núi lớn  
Tương lai gấp bội  
Chưa từng lợi ích  
Luống chịu cần khổ  
Không lợi chúng sinh  
Không ích cho Pháp.

Chịu đau xả thí  
Công dụng vô cùng  
Thề không lui sụt  
Lìa ra (04) bốn vực.  
Bỏ thân ế này  
Nguyện sinh Tịnh độ  
Một niệm hoa nở  
Chỗ Phật Di-đà,  
Chúng thấy mười phương  
Chư Phật, Thánh hiền.  
Lìa hẳn ba ác  
Chánh Đạo quyết định.  
Thành tựu năm thông  
Bay đi tự tại  
Cây báu hưởng pháp  
Chứng Đại vô sinh  
Pháp thân tự tại  
Chẳng dứt ba cõi  
Trừ hết đạo ma  
Hộ Pháp làm đầu.  
Đầy đủ mười Địa  
Thần hóa vô phương  
Đức trùm bốn thắng  
Xưng niệm Pháp Vương.  
Nguyện xả thân này rồi  
Sớm được thân tự tại  
Pháp thân tự tại rồi  
Nơi nơi trong các đường  
Chỗ nào cũng lợi ích  
Hộ pháp cứu chúng sinh.  
Lại nữa, Nghiệp sẽ hết  
Pháp Hữu vi đều vậy.  
Ba cõi đều vô thường  
Lúc đến chẳng Tự tại  
Kia giết và tự chết  
Trọn về chỗ như thế  
Người Trí chẳng ưa thích  
Nên phải nghĩ như vậy

*Các duyên đã vận đến  
Nghịệp hết ở ngày nay!”*

**4- Truyện ngài Thích Đạo An trụ chùa Đại Trung Hưng ở Kinh đô:**

Thích Đạo An, họ Diêu, người xứ Hồ Thành thuộc Bằng Dục. Sư tỏ ngộ lý mâu, sớm nương tựa pháp môn, tánh học không thầy cố định, nghe đâu có giảng Đạo thì đến. Thêm vì, Sư điềm đạm tĩnh lặng, ngưng tâm thẳng cánh, khiêm nhường nghiêm túc, động tĩnh có độ lượng. Sư phán quyết thì bạn đạo học thiền không ai chẳng kính phục. Sau, Sư ẩn cư tại núi Thái Bạch, ẩn trong suối rừng, nung chí kinh luận, nghĩ trối định sâu, tuệ nghịệp tỏa khắp. Bên cạnh, Sư xem đọc tử sử lược trải qua đại cương, thần khí ngài cao sáng, tiết tháo thanh bạch sâu xa.

Từ khi tấn đàn thọ giới Cụ túc về sau, Sư kính chuộng Kinh Niết-bàn, lấy đó làm Giáo điển Di Quyết, thông hiểu về luận Đại Trí Độ, để nuôi dưỡng nền tảng mở mang Đạo Pháp. Nên dưới thời Bắc Chu, tại Vị Tân, Sư ở mang hưng thịnh hai Bộ ấy. Sư lại bàn luận dạy răn lẫn nhau, không để thời gian luống qua. Sư ở tại chùa Trắc Hồ, lấy việc hoàng pháp làm chính. Các hàng sĩ tử ở chốn kinh đô thường đến nương để lắng trần. Nội ngoại giáo điển Sư đã thông hiểu, đặc biệt lại giỏi về Văn chương. Mở lời đặt bút đều hợp với Tài hoa, mà phong vận sơ thông, nhã điệu rõ ràng đơn giản. Giữ lễ kính tôn, nhân từ trùm khắp triều đình quan quý, nên các bậc Nho tử vinh đạt Đạo Sĩ nổi tiếng thường ngày đến bàn luận, đều phát tín tâm. Nên được nghĩa lưu thiên hạ, cỏ rạ nương theo.

Đầu thời Bắc Chu, Họ Võ mở thoảng trong thanh, trong ngoài đều yên phước, Vua từng ngồi kiệu đến kính lễ Sư. Đạo Sư tỏa sáng làm tông sư mọi vật, ngồi trấn cao quý, khiến Vua đến ngồi dưới đất, Sư vẫn an nhiên giảng nói như thường, Sư bàn nói chánh pháp, văn từ chẳng liên quan đến việc đời. Các hàng công khanh bên cạnh chú ý trông nghe vui mừng. Đến lúc thọ trai bữa trưa, Sư bảo bày biện thức ăn. Vua sắp cầm đũa bèn thưa rằng: “Đệ tử nghe nói người thế tục không được cùng ăn với chư tăng, vì sao Pháp sư đem tội lụy đến người?” Sư bảo: “Trong Phật giáo có quyền có thật, luật chế có khai có giã. Vua, giặc, ác thần đều cùng cung cấp. Bần Đạo y cứ theo pháp mô phỏng thực hành, lý chẳng phải luống”. Vua nói: “Xét lời như vừa nói thì chẳng Phật ý, chỉ sợ tổn hại đạo chúng. Lại cùng tặc thần đồng một chỗ ngồi, thật không tham dự”. Liên ban sắc sắp đi. Sư lại luận bàn các Pháp khác, không hề

để ý. Đó là Cao lương ở cuối đời.

Sau đó, Vua ban sắc thỉnh Sư đến trụ chùa Đại Trung Hưng, thêm lễ đặc biệt riêng. Vua đến Nam giao, mọi Văn vật đều hoàn bị, các Đạo Sĩ Đồng Quán ra đông đầy giữa đường cái. Vua ban sắc riêng cho Sư, bảo xem coi nghi cụ lễ bộ của Thiên tử như thế nào? Sư đáp: “Bệ hạ vì dân nên xuất hiện, bản đạo vì Pháp nên chẳng ra”. Vua nghe mà búng ngón tay ngợi khen hồi lâu. Sư có năng lực soi xét tỏ ngộ khác người thường, Đạo phong đức hạnh lan xa. Tự lập hình nghi bình chuẩn, giữ đạo tự vâng hành, đại loại đều như thế!

Sư có bạn đồng học là Sa-môn Tuệ Tuấn, là người nổi tiếng khắp xứ Bắc Chu. Ngài Tuệ Tuấn họ Chu, người ở xứ Tam Nguyên thuộc Kinh Triệu. Bình thường Sư chẳng hề học sách, tai nghe qua liền tỏ ngộ. Hễ nghe một lần thì không quên, mãi ghi nhớ trong lòng, lưu lược khắp Nho Thích, bàn nói như suối tuôn. Các hạng người công kích, bèn nhọn đông đúc như rừng. Một hôm, Sư đến chỗ Ngài (Đạo An) đang giảng Kinh Niết-bàn, Ngài (Tuệ Tuấn) bèn đặt chương bày hỏi, Sư đối đáp qua lại mãi đến chiều tối cũng chẳng hết Văn. Sáng sớm mai lại hỏi, Ngài (Tuệ Tuấn) hỏi vặn rất tinh bạt. Ngài (Đạo An) tùy tùy lời mà dứt trừ, nhưng người nghe cho là không tiếp nối lời hỏi vặn. Ngài (Tuệ Tuấn) cuối cùng lại dẫn Văn lý nêu bày và cùng đối đáp, bèn kéo dài nối nhau đến ba ngày, chỉ luận về một nghĩa. Về sau cả hai ngài đều xả bỏ điểm đạt đến của mình mới là sự Giải Văn. Nên khiến kinh hãi xướng tu trước, dự nghe vái kính. Về sau, ngài Tuệ Tuấn tìm đến Hoa thổ, học khắp các bậc danh sư, tất cả mọi điều đượm thấm vào tai đều thông hiểu văn nghĩa, thấu đạt yếu chỉ. Và cùng ngài (Đạo An) đồng ở một thất hơn ba mươi năm. Cùng nhau nói ngộ bay cao, thật vượt hẳn việc mắt thấy. Vì bị bệnh nên ngài Tuệ Tuấn thị tịch. Ngài (Đạo An) đến vô về thi thể Sư mà thương khóc bảo rằng: “Tuyên Ni có lời nói, tin là chẳng lường dối!”

Đến ngày mười lăm tháng ba năm Kỷ Sửu, nhằm niên hiệu Thiên Hòa thứ bảy (569) thời Bắc Chu, Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 59) ban sắc mời các bậc danh tăng tài đức cùng các hàng Nho Sĩ, Đạo Sĩ, Văn Võ Trăm quan hơn hai ngàn vị đến chánh điện. Vua lên ngự tòa đích thân muốn lường xét sự hơn kém của cả ba tôn giáo để bỏ và lập. Chúng luận bàn lằng xằng rối rắm. Mỗi tôn giáo đều tùy tình kiến, so sánh đại để. Sư chẳng đối kháng với họ. Đến ngày hai mươi tháng đó, Vua lại y theo trước mời tất cả cùng nhóm họp, chúng luận bàn trái lỗi, đúng sai thêm sinh khởi, đồng thời chẳng gỡ được vướng mắc trong tâm



Vua, tiêu điều lạng lẽ mà lui về. Đến đầu tháng bốn, Vua lại ban sắc mời tất cả các hàng Đạo Tục, bảo phải hết lời trình bày nghĩa lý. Lại ban sắc cho bảo Ty lệ Đại Phu Chân Loan là người có sự hiểu biết về Phật giáo và Đạo giáo phán định mọi sự trước sau, sâu cạn, đồng dị của hai tôn giáo như thế nào. Chân Loan bèn dâng Vua bộ “Tiểu Đạo Luận” ba quyển, tất cả gồm ba mươi sáu điều, để cười về tên gọi là “Tam Đồng” và cười về xưng hiệu “Tam Thập lục Bộ”, Văn từ rất rõ ràng, y cứ mọi sự lăm điều bác bỏ. Đến ngày mồng mười tháng năm, Vua lại nhóm họp tất cả các quan định rõ Chân Loan tấu dâng bộ luận cho đó là Đạo Sĩ như con một làm tổn hại, bèn đốt ngay sân điện.

Sư bùi ngài sự hỗn loạn trong thế tục ở đương thời, xót thương mảnh lưới chìm đắm của các sử tịch, bèn soạn bộ “Nhị giáo luận”, để dâng lên vua Võ Đế, Văn từ gồm một quyển, chia thành mười hai chương. Chương thứ nhất là “Quy tông hiển Bốn”. Có khách hỏi rằng: “Kẻ hèn tôi nghe” Phong lưu nghiêng đổ, sáu kinh do đó biên chép tu sửa, kheo chuộng thắm nhuần sáng tỏ”. Qua chương hai do đó mà soạn. Nên ưu nhu thắm nhuần rộng đối với mọi vật cứu giúp thì gọi là Nho (giáo). Dùng đó mà chẳng hết, đối với mọi vật thông hiểu thì gọi là Đạo (Giáo). Đó đều là thần lực của Khổng và Lão. Có thể được rõ ràng. Gần đây xem đọc đến Thích (Phật) giáo, văn rộng, nghĩa dồi dào, xét về sự cấp dẫn thì chắc chắn khéo dẫn dụ. Cốt yếu chỉ thứ ấy thì gắng gỏi đó mới tốt lành. Nhưng ba tôn giáo tuy khác, nhưng một đường khuyên tiện, giáo tích thì khác mà Lý hợp thì đồng. Còn như lão tử than về “Thân hoạn”, Khổng tử than về “Cận Xuyên”, là muốn sau ngoài lấy sự đạt đến tồn sinh cảm vãng để biết vật hóa, đâu khác gì thuyết ” nhằm chán thân vô thường” của Sách Phật ư? Chỉ bởi dòng bó buộc ngưng trệ, chưa rong ruổi quán xét cao, nên không thể ngang bằng đất trời nơi một ngón tay, đều là đúng sai trong một hơi thở. Đến nỗi khiến ranh giới bàn luận mỗi thứ đều bất đồng. Đó gọi là giấu ngọc Ma-ni nơi Vỏ thai, ngăn ánh sáng rực rỡ trong đêm dài. Thương thuận phong không hai, bít lấp huyền chỉ suốt một. Cầu ở đó nhiều kiếp đâu thể gặp ư?” Người chủ đáp rằng: “Ông biện giải đã đến cùng mà lý chưa hết. Bởi vì muôn Pháp vốn ở nơi sinh sinh mà sinh, sinh là Vô sinh. Điềm của Tam tài ở nơi thỉ, thỉ mà thỉ, thỉ là vô thỉ. Vậy thì Vô thỉ vô sinh là tánh của vật, có hóa có sinh là nhóm họp của người. Nhóm họp tuy một hình thể, mà hình và thần là hai thứ khác nhau. Tan rã tuy hình chất khác nhau mà tâm sở chẳng mất. Nên thuộc về giáo cứu thân, giáo ấy gọi là Ngoại. Giáo để giúp tế thần thì giáo ấy gọi là Nội. Vậy biết trong Luận Đại

Trí Độ có hai Kinh nội ngoại. Trong Kinh Nhân Vương nói rõ hai luận nội ngoại. Trong kinh Phương Đẳng giải rõ về hai luận nội ngoại. Trong Bách Luận nói về hai Đạo nội ngoại. Nếu thông luận nội ngoại, thì gồm suốt cả Trung hoa và man di kia. Nếu hạn cuộc Mạng ở phương này thì có thể gọi đó là Nho Thích, Thích giáo là Nội, Nho giáo là Ngoại. Đây đủ rõ ràng ở Thánh Điển chẳng phải là dối lầm. Rõ xem sách vở ghi chép, tìm xét nguồn dòng, Giáo chỉ có hai, đâu được có ba? Vì sao? Vì xưa kia, Huyền Cổ trong sạch, lời răn của Phần Điển chưa mở mang, thuần phong hơi lìa. Văn của khâu sách mới gồm trước. Cho nên bao gồm luận bầy điển, tổng quát cả chín học pháp, đều làm mưu để trị nước, đều là cách tu thân. Nếu mạch mà cách biệt thì nên làm thành chín giáo, gồm tất cả mà hợp lại thì đều thuộc Nho Tông. Luận về Quan viên đó thì một chức của mỗi Vương triều, bàn về sách vở đó thì đều là Sách của một Hoàng gia. Ông muốn ở trong một phong hóa, khiến cả chín dòng tranh nhau. Đại Đạo ở đời, khiến nhỏ thành đua tranh biện luận. Há không phải trên thì thương tổn phong hoá của Hoàng Cực không hai, dưới mở sự tệ hại của bố buộc về buông lung xem thường? Thật đáng gọi là một lớn mưu to làm mù lòa cả triều đình cho đến thôn dã! Phật giáo là cách ngôn cùng lý tận tánh, vết Chánh xuất thế nhập chân. Luận về văn thì bộ loại chia ra mười hai phần, nói về chí thú thì bốn thứ Tất-đàn là Diệu lý tại Vực trung. Chắc chắn chẳng tên gọi nào để gọi cho tương xứng. Hoàng hóa chuyên. Bên ngoài, lại chẳng phải chỗ tìm của tình trí. Còn như dứt lụy rơi nôm, đào luyện thần hết soi chiếu, gần thì vượt khỏi sinh tử, xa thì chứng đắc Niết-bàn, tiếp vượt các căn cơ sâu cạn, gần sáng tỏ cả sáu đường, phân tích rõ sự thăng trầm của thiện ác, xa mong cầu xuất thế mà lý không gì chẳng khắp. Gần kịp Vương hóa mà không việc gì chẳng cùng tận. Có khả năng rộng lớn và cốt yếu, không phù chất và văn hoa, nếu chẳng phải là bậc Chí linh trong thiên hạ, thì ai có thể hưng khởi giáo ấy ư? Tuy là ngàn nhà Nho Đạo, trăm họ Nông Kiềm, lầy bở, rong ruổi cũng chưa thể bằng. Chỉ có giáo lý của Họ Thích dồi dào Quyền Thật. Có thừa sự không rõ xưng gọi đó là Quyền, rõ nghĩa không thừa thì gọi là Thật. Vì sao gọi là Diệu hưởng?

Ông cho rằng: “Ba tôn giáo tuy khác nhưng khuyên làm lành thì chỉ một nghĩa.” Tôi cho rằng điều lành có tinh tế và thô thiển hơn kém nên khác nhau. Tinh tế thì vượt trăm hóa mà lên cao, thô thiển thì tu chín cư mà chưa dứt, đâu thể đồng năm mà nói về sự hơn kém ư? Ông lại nói: “Giáo tích tuy khác nhưng lý hợp thì đồng”. Xin dẫn sự dạy răn ở thế gian lấy làm phù hợp với huyền giáo. Đó bởi vắng vặc nơi chỗ

mờ tối chưa kịp đến cội gốc. Giáo là gì? Nghĩa là thuyên lý. Lý là gì? Là sở thuyên của Giáo. Nếu giáo quả thật khác, thì Lý làm sao đồng được? Nếu Lý là đồng thì giáo làm sao khác được? Nôm không mong cá, lưới chẳng vì thỏ, thì gọi tên là gì ư? Lý đồng ở đâu? Hễ sống dày dốc tình thì thân hoạn. Bền dấy khởi, chẳng tỏ ngộ sự biến chuyển thì khen ngợi của dòng chết mới làm, đều là chỗ bàn luận rốt cùng trong nội vực, chẳng vượt xướng lớn phương ngoài. Vì sao? Vì đưa sắc hết nơi cùng cực nhỏ nhiệm, là chỗ chưa bàn luận nghiên cứu đến cùng tâm sinh diệt, còn với Tuyên Ni thì lại không hề nói đến. Có thể gọi là trông nhìn đó dường như hết mà quán sát đó thì thật chưa cùng tận. Trong Kinh nói rằng: “Phân biệt sắc tâm, lưỡng tướng Hữu Vô, hàng Nhị thừa chẳng thể biết”. Vả lại, sự hưng khởi đại hạnh của hàng Nhị thừa đều vượt khỏi làng Vọng tưởng. Bồ-tát thì trí tuệ gồm cả chín đạo, thanh văn thì chỉ làm cho bản thân mình được tốt. Đó dường như sương móc thấm nhuần sánh với ngòi vực lớn. Mấy bụi ví với núi Tu-di, huống gì thức tưởng của hàng phàm phu đâu được ngang bằng ư? Nên trong kinh lại nói: “Không thể đem ánh sáng mặt trời sánh ngang bằng với ánh lửa đom đóm kia. Nếu cho là ngang bằng thì ngang bằng, chẳng ngang bằng là chưa ngang bằng. Lấy ngang bằng mà ngang bằng ở nơi ngang bằng là chưa ngang bằng. Tôi nghe nói khéo ngang bằng nơi Thiên hạ là vì chẳng ngang bằng mà ngang bằng Thiên hạ, đâu khởi sang bằng với núi cao thật sâu sau đó mới bằng ư? Kế tục chim le giết hại chim hạc ở đó mới đồng. Đó bởi là kẻ hẹp hòi ở thôn dã bàn luận, đâu phải là sự quán xét trong trắng của hàng Đạt sĩ ư? Nên ngạn ngữ có lời nói rằng: “Mâu tím thật lắm mờ nơi mâu đỏ, ngông cuồng ấy lạm triết. Xin nói rộng về loại đó. Trên đến các bậc thiên tử dưới đến các hàng thứ nhân không ai chẳng từ sắc tâm lấy làm thành thân hình, bảm khí âm dương mà hóa thể chất. Không thể lấy sắc tâm cho là ngang đồng mà lẫn lộn giữa trí và ngu. Nghĩa Âm Dương ngang bằng thì đồng với sang hèn, ở đây thì không thể. Chí lý rộng lớn minh mông tuy gượng ngang bằng, nghĩa ấy làm sao tồn tại?”

Vua Võ Đế nghe lời Trương Tân sàm tấu, trong ý muốn phá dẹp Phật giáo, ban đầu xem luận của Ngài (Đạo An) bèn hỏi các Liêu Tế, Văn từ nghĩa lý xác cứ trội vượt, chẳng ai sám bác bỏ. Khi ấy mọi sự phế lập bèn tạm ngưng, thật có sự suy lường. Đến ngày mười bảy tháng năm năm Giáp Ngọ, nhằm niên hiệu Kiến Đức thứ ba (574) thời Bắc Tống, mới khắp đồng phá diệt cả hai tông Phật và Đạo, chỉ đặt Thông Đạo Quán chọn lựa những bậc hữu danh trong Phật giáo, đồng thời mặc

áo mào làm Học sĩ. Sự việc nói rõ đầy đủ trong Biệt truyện. Sư bèn dứt vết lẳng tiếng, ẩn lánh nơi rừng dầm. Vua Võ Đế ban sắc tìm kiếm đưa Sư đến nơi Vương Đình, đích thân vua ra nhọc tiếp, ban tặng hốt ngà, gấm lụa và tôn xưng đặt để ở địa vị trong triều liệt, nhưng Sư chẳng đến. Sư thị tịch vào thời Bắc Chu!

Ban đầu, khi đang trụ chùa Đại Trung Hưng, Sư dẫn mẹ đến ở gần, mỗi sáng sớm Sư ra hầu mẹ, tự tay nấu các thức ăn, sau đó mới lên giảng, tuy có đủ người hầu hạ mà Sư chẳng cho phụ giúp. Cho đến những việc như bữa củi, múc nước đều tự thân tay Sư làm. Ngài tha thiết bảo với mọi người rằng: “Mẹ là người có khả năng sinh và nuôi dưỡng ta, chẳng phải ta thì không gọi là cúng dường rốt cuộc ở đời mẹ như lúc đầu không một dứt nghĩ.” Đó là y cứ theo tôn tượng Đức Đại thánh kê vai khiêng quan tài truyền bá khắp cùng. Đến lúc sắp tịch mới “ Di giới” gồm chín chương để răn dạy môn nhân. Trong đó văn từ như sau:

“Kính tạ cùng các đệ tử! Hễ là người xuất gia hành Đạo là rất trọng rất khó, không thể tự xem thường, không thể tự lấy làm dễ. Sở dĩ gọi là trọng (nặng), bởi vì mang đạo đeo đức ràng nhân đội nghĩa, vâng giữ tịnh giới, chết mà vẫn còn. Sở dĩ gọi là khó, bởi vì dứt thế lìa tục, cắt đứt Thân ái, xoay tình đối tánh chẳng đồng như mọi người, làm việc mà người chẳng làm được, cắt đứt việc người chẳng cắt đứt được, nhẫn khổ chịu nhục, vất bỏ thân mạng. Có nghĩa gọi người làm việc khó ấy được tức là Đạo Nhân. Đạo nhân tức là người hành đạo. Hành thì có thể giẫm qua, lời phải đúng Pháp, pháp phục xuất gia, hành động là phép tắc. Không tham không tranh, chẳng dèm pha chẳng giấu diếm, học hỏi cao xa, chí khí đặt để nơi huyền mặc, thì là danh xứng tham dự ở ngôi vị Tam Tôn, vượt ra khỏi hàng Hiền giả, bước vào bậc Thánh giả, tẩy trừ tất cả tinh hồn, cho nên chẳng mong quả báo quân vương, cha mẹ chẳng mong sức lực ấy. Khắp trong trời người không ai chẳng quy hướng kính bái. Lìa bỏ vợ con, giảm bớt thọ hưởng sự cung phụng ăn mặc, nén mình cúi ngưỡng, chẳng nề khổ nhọc, làm cho chí hạnh ấy trong sạch suốt với thân minh, đạu bạc trong trắng, đáng tôn đáng quý. Tự theo hoang lưu, thì Đạo pháp dần chìm, những người mới học chưa rõ biết phép tắc, bỏ chánh đả tà, quên sự chân thật. Lấy chút sáng nhỏ cho là trí, lấy chút cứng nhỏ cho là đủ. Ăn no trọn ngày không chút dụng tâm, không tự quán sát, thật cũng đáng buồn thay! Tính đến nay thì xuất gia đã được thời gian dài, mà kinh nghiệp chưa thông suốt, văn từ chẳng quyết rõ, uổng mất một đời không thành danh gì. Với việc như thế không thể nghĩ sâu. Hạn định vô thường chẳng sớm thì tối. Đau khổ trong ba đường

không mạnh không yếu. Vì thầy trò tình nghĩa sâu đậm nên tỏ bày chỉ bảo, với những ai có tình cũng có thể lấy để tự răn bảo mình!

- Một là: Ông đã xuất gia, trái hẳn với sự sống, cắt tóc xem thường dung mạo, đắp mặc pháp phục che thân. Ngày già từ thân thuộc, trên dưới đều khóc lóc. Cắt đứt ân ái tôn kính Đạo pháp, Ý vượt trên Thái thanh. Đáng vâng theo chí ấy, kinh đạo tu sáng, vì sao lại Vô tâm, cứ tại sắc thanh, lơ là qua buổi, kinh nghiệp chẳng thành, đức hạnh ngày một tổn mất, vết nhơ dần đầy. Thầy bạn xấu hổ, phàm tục xem thường. Xuất gia như thế, nhọc tự làm nhọc thanh danh, nên nay khuyên cố gắng cần phải chuyên tinh.

- Hai là: Ông đã xuất gia, bỏ tục lìa Vua, phải tự cố gắng, chí quả thanh cao, không đoái hoài tài sắc, chẳng đồng với phàm tục, vàng ngọc không quý, chỉ Đạo là hơn. Bó buộc mình giữ tiết, chịu khổ vui nghèo, tiến đức tự độ, lại độ cả người. Cố sao sửa đổi tiết tháo, rong ruổi theo phong trần, vừa ngồi chưa ấm chiếu, đã rong ruổi khắp đông tây. Làm việc nặng nhọc, Quan huyện kéo lôi. Kinh đạo không thông, giới đức chẳng toàn vẹn, bạn bè si lộng, đồng học lìa bỏ. Xuất gia như thế, nhọc mất ngày trời, nay dạy răn khuyên nên mỗi người tự thương xót lấy mình.

- Ba là: Ông đã xuất gia lìa hẳn dòng tộc, không thân không sợ, thanh tịnh Vô dục, tốt chẳng ham ưa, xấu cũng chẳng buồn, vượt hẳn thông dong, tự nhiên lìa nhiễm, chuyên chí huyền diệu, giữ gìn khuôn phép, chân chất thuần phác, được độ rộng cứu, khắp nhờ Phước duyên. Vì sao lại vô tâm đắm trước nhiễm trước, toàn tranh đua hay dở, cân lường thăng đẩu, đồng lợi như thế tục, đâu khác gì tôi tớ. Kinh đạo chẳng rõ, đức hạnh chẳng có, Xuất gia như thế luống tự hủy nhọc. Nên nay dạy răn chỉ bày, cần phải tự gột rửa.

- Bốn là: Ông đã xuất gia, gọi là Đạo nhân. Cha mẹ chẳng kính, vua thế gian chẳng thờ. Khắp trời, người đều kính thờ ông như thần. Cúi đầu chí kính chẳng kể nghèo giàu, chuộng sự thanh tịnh, tự lợi lợi người, giảm cất nặng nề. Một hạt gạo nặng đến bảy cân. Vì sao biếng lười khinh mạn, chẳng thể báo ân, ý lại buông lung, thân ý hư phiền. Không giới đức, thọ nhận sự cúng thí, sau khi chết đọa vào Thái sơn, ăn sắt nóng đốt, uống nước đồng sôi. Đau khổ như thế, trong Pháp cú trình bày. Nên nay khuyên răn hãy tự sửa đổi.

- Năm là: ông đã xuất gia gọi là Túc tử, chẳng nhiễm uế tạp, chỉ đối với Đạo thì kính trọng, chí luôn thanh khiết như ngọc như băng. Nên tu kinh giới để cứu giúp tinh thần, chúng sinh nhờ Phước, gần gũi mà

hóa độ. Vì sao lại vô tâm tùy theo thế tục nổi chìm, buông lung bốn Đại, chẳng kèm giữ năm căn. Đạo đức thì cạn kiệt, việc thế tục càng sâu. Xuất gia như thế chỉ đồng với bụi trần thế tục. Nên nay dạy răn ước mong hãy tự mở thân.

- Sáu là: Ông đã xuất gia, bỏ hết hình hài thế tục, phải chuyên dốc sức tinh tấn, phù hợp với Niết-bàn. Vì sao nhiều động chẳng ưa thích nhàn cư? Kinh đạo tổn mất, việc đời có thừa, thanh bạch chẳng theo, lại bước vào bùn sình, quá mạng của bóng hình chỉ tại phút chốc. Đau khổ chốn địa ngục khó có thể nói hết. Nên nay răn khuyên cần phải kính chuộng khuôn phép.

- Bảy là: Ông đã xuất gia không thể tự khoan thứ. Thân hình tuy xấu xí nhưng hành vi phải đáng làm gương, y phục tuy thô xấu nhưng đứng ngồi phải khoan thai, ăn uống tuy đơn sơ nhưng mở lời có thể đượm hưởng. Mùa hạ thì nhẫn đói, mùa đông thì chịu lạnh. Tự giữ tiết tháo, chẳng uống trộm suốt nước. Không chịu nhận sự cung phụng của kẻ chẳng ra gì, chân chẳng vọng bước đến, ở lâu nơi nhà riêng, như đến chỗ đáng Chí Tôn, Học tuy chẳng nhiều mà ngang bằng với bậc Thượng hiền. Xuất gia như thế, đủ để báo ân cha mẹ. Giòng tộc tri thức đều mang ân. Nên nay răn dạy các ông mỗi người nên tự thúc giục.

- Tám là: Ông đã xuất gia, tánh có tối sáng, học không kể ít nhiều, cốt yếu tại sự tinh tu. Với hàng Thượng sĩ thì ngồi thiền, trung sĩ thì tụng kinh, Hạ sĩ thì có thể lo việc xây dựng chùa tháp, đâu thể suốt ngày không làm được một việc gì. Lập thân mà không nghe học, thì gọi đó là sống luống qua không. Nên nay răn dạy ông phải tự trang nghiêm tâm mình.

- Chín là: Ông đã xuất gia lìa hẳn cha mẹ, nhờ đạo Pháp mà sửa đổi tâm tánh, thân lìa y phục thế tục. Ngày lìa người thân, chợt buồn chợt vui, xa gần đều bật vết tục, vượt ngoài trần ai, phải tu học kinh đạo, khắc chế chính mình, bước đến nguồn chân. Vì sao vô tâm lại nhuốm bản theo nhân tục, Kinh đạo là mỏng manh, hạnh nghi không mảy phân, mở lời không có gì đáng quý. Giới đức chẳng gì đáng hơn, thầy bạn rất mực phiền lụy, nóng giận ngày một nhiều. Xuất gia như thế chỉ tổn hại đạo pháp, vấy nhục thân tâm. Hãy nghĩ nhớ điều đó, khéo tự dẫn dắt thân!”

Sư có các đệ tử như Sa-môn Tuệ Cảnh, Bảo Quý, đều là các bậc nổi tiếng đời Tùy. Ngài Tuệ Cảnh truyền bá luận Đại Trí Độ, tiếp nối pháp luân. Trầm vết trong nhân gian, tình nhiều ngoài thôn dã. Sư có soạn ba bộ luận Thương Học, Tồn Phế và Yếm Tu. Thương Học là trừ

tội lỗi phỉ báng chánh Pháp, tôn Phế là phòng ý gian cầu, Yểm Tu là khiến sửa đổi lỗi lầm để đượm nhuần đạo pháp. Đều là Văn vẻ vượt xa như mây ráng, sáng ngời đáng vâng theo. Sau, Sư thị tịch vào khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (601) đời Tùy. Còn ngài Bảo Quý ưa thích xem đọc các kinh điển, chuyên giảng luật là việc chính, được Sa-môn Chi Mãn Độ đời Tấn hợp năm nhà chuyên Kinh Thủ-lăng-nghiêm làm Thành một bốn tám quyển, lại hợp ba nhà chuyên Kinh Duy-ma làm thành một bốn năm quyển, đời Tùy có Sa-môn Tăng Tự hợp cả bốn nhà chuyên Kinh Đại Tập làm thành một bốn sáu mươi quyển, Ngài (Bảo quý) bèn hợp cả ba nhà chuyên Kinh Kim Quang Minh làm thành một bốn tám quyển. Lại thỉnh Tam tạng Pháp sư Quật-đa phiên dịch Kinh Ngân Chủ Đà-la-ni đến phẩm chúc Lụy lấy đó làm thành bộ. Sa-môn Ngạn Tông xét lại Phạm bốn, phẩm bộ đến đây là đủ.

### **5- Truyện ngài Thích Tăng Miễn trụ chùa Quả Nguyễn ở Tân Châu:**

Thích Tăng Miễn, không rõ Sư họ gì. Sư trụ chùa Quả Nguyễn ở Tân Châu.

Cuối thời Bắc Chu, lúc Phật pháp sắp bị phá diệt, đang sùng chuộng họ Lão, thợ học về Phù lục. Hễ những lúc tế lễ lớn thì Vua chỉnh trang khăn áo cùng bái phục. Mà kinh đạo luống dối, mọi lời đều không có gốc gác y cứ. Nước nhà tuy phụng sự nhưng chưa rõ về thù hiệu, Sư bèn chẳng ngại hương quan xa xôi, đích thân đến nơi cung quyết ra mắt trình bày Chí Lý với Vua. Dem tà chánh cùng tham, xu tình cạnh tranh. Chưa biện rõ chân ngụy liền đổi thay hủy dự, Sư bèn soạn luận văn gồm mười tám điều, cật nạn Bốn tông của Đạo giáo. Lại dùng ba Khoa giải thích các chấp ở trước, Hiền thánh đã tường tự, Phàm vị rõ ràng. Trong đó, Văn từ lược nói rằng: “Tăng Miễn tôi vì sự lạm của đời nên thuật rằng: “Lão Tử cùng Y Hỷ theo đi về Tây đến giáo hóa người Hồ và xuất gia. Lão Tử nói cho nghe Kinh giới, bảo Y Hỷ làm Phật, giáo hóa người Hồ. Lại xưng là Quỷ Cốc tiên sinh, soạn “Nam Sơn Tứ Hạo Chú”. Chưa khéo suy tìm thì không ai chẳng tin theo, cho là lời thật. Lạ thay truyện ấy! Quân tử còn chẳng thể vọng hướng gì dèm chê Đại thánh ấy ư? Nay trình bày rõ ràng thuyết ấy chẳng chân thật. Người đời sai lầm gá vào Văn tự, cũng bèn nói chẳng kịp, nghĩa lật lại làm nhục Lão Tử. Ý cho là những bậc thối nhân đạt sĩ chẳng vượt ngoài lời ấy. Cùng là Vô thức Dị Đạo khoe tranh Phật Pháp. Gá nương vào danh Tứ Hạo của Quỷ Cốc, cậy nhờ truyện sau của Y Hỷ, soạn ra dị luận này, để mê hoặc người đời

mờ tối. Tôi trộm nghe rằng Hoàng truyền mà chẳng tập học, thì Phu Tử không chấp nhận. Vọng làm là xấu. Lão quân can ngăn. Hoạn lớn này mở rộng ba đường, phải nên xét chánh để cứu lỗi ấy. Nhưng Giáo có nội ngoại, dụng sinh nghi giả, người có hiền thánh phần nhiều nói về Bổn tích. Nên trong Hán Thư của Ban Cố phẩm bình người có chín hạng. Như học trò của Khổng Khâu là loại Thượng Thượng, Học trò của Lão Tử là loại Trung Thượng, đều xếp vào bậc hiền. Vương Bạc ở Hà Yến nói là “Lão tử chưa đến Thánh thì là Hiền. Thánh trời chia ra hơn kém tự bày, cho nên sự rộng tỏ ngộ của Vua Văn Đế (Tào Phi) thời Tiên Ngụy vậy. Niên hiệu Hoàng Sơ thứ ba (222) thời Tiên Ngụy, Vua Văn Đế ban sắc rằng: “Báo cùng Thứ sử Dự Chương, Lão Đàm Chỉ là Hiền nhân chưa nên vượt trước Khổng Tử. không biết Lỗ Quân xây miếu thờ Khổng tử thành chưa. Vua Hoàn Đế (Lưu Chí 147 - 168) thời Đông Hán chẳng bắt chước thánh Pháp, chánh là vì Bế thần mà thờ Lão tử, mục đích là cầu Phước, việc thật đáng cười. Sự khởi dậy của Đền thờ ấy do từ Vua Hoàn Đế. Võ Hoàng Đế cho Lão Tử là Hiền Nhân nên chẳng phá hủy nhà của Ông. Trẫm cũng lấy đó làm nơi dừng ở giữa đường, mọi người qua lại bèn đến chiêm ngưỡng, nhưng phòng lâu nghiêng đổ đề lấp người, nên bảo sửa sang tu chỉnh lại, làm qua xem đó rất chỉnh đốn, sợ hàng Tiểu nhân cho đó là thần nên vọng đến cầu nguyện, trái phạm thường cấm. Nên tuyên cáo khắp cùng Quan lại muôn dân đều khiến họ rõ biết”. Căn cứ vào đó mà nói thì trình bày đã lâu. Ở đời phần nhiều là người ngu chẳng tìm tới bậc tiên đạt, cho nên khác biệt với người đời. Và trong kinh ngoài điển, và đối với điều lệ. Xem rõ Quyển đầu thì tà chánh tự hiển bày”.

Tuy Sư soạn luận ở thời Bắc Chu, vang danh khắp triều đình đến thôn dã, nhưng người thông hiểu ít gặp nên cứ theo sự lầm mê, và cuối cùng chẳng lưu hành sử dụng. Khi Phật pháp bị hủy diệt, Sư bèn lánh nạn, không biết về sau Sư thị tịch ở đâu.

#### **6- Truyện ngài Thích Tăng Mãn trụ chùa Vân Hoa ở Kinh Đô:**

Thích Tăng Mãn, họ Đoàn, người ở xứ Kinh dương thuộc Kinh Triệu.

Dáng dấp hoà nhã, thần khí nổi bật, ưa thích xuất gia, vốn biết mong cầu kính thờ, suốt mấy mươi năm tự thân phụng sự giảng dạy. Hễ có điều giải ngộ, Sư đều thông luyện.

Trước kia, vào thời Tây Ngụy, Vua Văn Đế (Nguyên Bảo Cự 535 - 552) đang ở ngôi, ban sắc mời Sư đến ở Tẩm điện, giảng Kinh Bát-nhã. Các hàng Quý Tể đều kính ngưỡng thấm nhuần sự dạy răn của Sư.



Đến thời Bắc Chu (557 – 568) Vua lại ban chiếu thỉnh mời Sư đến trụ chùa Thiên Cung, giảng Kinh luận Thập Địa. Vua lại ban sắc thỉnh Sư đến ở hai Điện Tử Cực và Văn Xương lần lượt giảng pháp. Lúc bấy giờ, yếu chỉ rộng mở hỏi đáp qua lại vô cùng. Các hàng Hoàng Cân Đạo sĩ rối loạn nhóm họp, Sư bèn từ từ vẫy gọi đàm bính, dẫn địch xoáy sâu, mới đến tà tông, mỗi mỗi Sư đều phá đến cùng. Kinh của Nguyên Thỉ Chân Văn thấy đều rách nát. Đồ chúng học trò của Thiên sư ngày trước cùng tan rã. Các hàng Đạo tục tự nhiên sửa sang đổi mới tai mắt. Ban đầu, Vua mới xem ngang bằng cả tam giáo, ngài chia làm thành chín mươi lăm môn, về sau, lùi lại Nhất thừa. Lại khéo tiến tới ba mươi hữu sinh. Văn từ rất cao siêu tinh túy, Học Quán đều quy hướng, đã chẳng đưa dự định dâng vua xem, bèn trầm lắng trong bạn tục. Sư thối lùi, tĩnh lặng mọi việc của người đời, nương gá nơi sâu xa, chờ đợi một sớm mai. Đến thời Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy đang làm tướng, Phật Pháp sắp sáng tỏ lại. Vì Sư tuổi tác và đức hạnh đều cao trọng. Các bậc Huyền Nho đều nhóm họp, thưa hỏi truy tìm đến kinh đô, giúp cho pháp vũ được hưng thịnh. Vào niên hiệu Đại Tượng thứ hai (580) thời Bắc Chu, Vua Tĩnh Đế (Võ Văn Diễn) ban sắc mời Sư trụ chùa Đại Hưng Thiện, giảng dạy Kinh luận Thập Địa. Chùa Đó tức là chùa Trắc Hồ trước kia. Tiếng tăm Sư vang xa, rất hợp tâm Vua. Sau đó, Vua Văn Đế (đời Tùy) phong cho Sư Chức Tùy Quốc Đại Thống Tam Tạng Pháp Sư, uỷ thác Phật pháp, khiến mở mang che chở. Chưa đủ để lớn mạnh oai quyền, nhưng cũng đã tỏa sáng Thích chủng khi vua Văn Đế dời Đô đến hướng Nam, chóng xây dựng chùa, Sư cũng đổi chuyển đến làng Tuân Thiện, nay là chùa Hưng Thiện. Tuy thanh danh còn lệ thuộc mà Sư thường ở chùa Vân Hoa khuyên răn sách tấn đồ chúng chuyên theo khóa nghiệp.

Đến ngày mồng bốn tháng bốn niên hiệu Khai Hoàng thứ tư (584) đời Tùy, Sư tịch tại chùa đang ở, thọ tám mươi hai tuổi. Ban đầu, khi sắp tịch Sư quán chiếu sâu về khổ không, đang nói bỗng nhiên muốn dứt bật. Sư bảo đồ chúng: “Tôi đi đây!”, và liền tịch. Mọi người đương thời quý trọng Sư ở chỗ tâm không tán loạn. An táng tại núi Mã Đầu thuộc phía Đông thành. Khắc đá lập Bia tại Chùa Vân Hoa, đến nay hiện còn.

TỤC CAO TĂNG TRUYỆN  
Quyển 24 hết.

TIẾP THEO PHẦN 1 CHƯƠNG V: có 2 vị:

1- Thích Đạo Trăn. 2- Thích Trí  
Huyền.

**1- Truyện ngài Thích Đạo Trăn:**

Thích Đạo Trăn, họ Ngưu, người ở phía Nam Thành Trường An. Sư xuất gia thanh tịnh trình bạch, Sư chẳng giao hảo với hạng phi loại, khiêm nhường rộng rang ít giao du, chỉ chuyên đọc tụng Kinh điển, nghe giảng là chính. Nên các vị Pháp sư đối với Nghĩa kinh có chỗ không hiểu đều tìm đến hỏi Sư. Vua Văn Đế (Nguyên Bảo Cự 535 -

552) thời Tây Ngụy nghe vậy nên kính trọng tôn xưng ngài là Sư Phó, bèn xây dựng chùa Đại Trung Hưng ở Kinh Đô, thỉnh Sư đến trụ ở đó, tôn xưng Sư làm Ngụy Quốc Đại Thống.

Bấy giờ, Đông Tây mới giao loạn, Vũ Văn Thái tổ bèn ghi chép Đế Đồ, nường cậy nhà Ngụy đi về hướng Tây xa muôn dặm đường bắt đầu dựng lập. Tăng Đồ cùng nhau nhóm họp tiếp nối. Sư đã ở ngôi vị Tăng thống, đại lập khoa điều, Phật Pháp được hưng thịnh trở lại, thật là nhờ Sư. Sau đó, các chùa Đại Thừa, Trúc Hồ lần lượt xây dựng đều do Sư khơi dòng đức hóa. Sư lại đến ở phía Nam Côn Trí thiết đặt chùa Trung Hưng, ở phía trong thì có trang trại ao hồ, phía ngoài thì đồng ruộng cả trăm khoảnh, đều đem cung cấp. Các thứ lê táo tạp quả nhiều như mây hợp.

Đến lúc Sư thị tịch, Vua buồn thương mà bãi triều. Mọi sự cần thiết trong lễ tang đều xuất từ Thiên Phủ, đón rước đến an táng tại phía Nam của vườn, dựng lập mộ cao. Chỗ đất phần mộ được phong rộng đến một khoảnh. Nay gọi là Mộ Thống Sư. Gần đây, vào niên hiệu Trinh Quán (627 - 650) thời Tiền Đường, vẫn còn những cây cổ thụ.

**2- Truyện ngài Thích Trí Huyền:**

Thích Trí Huyền, là người ở xứ Thành Đô thuộc Ích Châu, họ Từ. Lúc vừa mới sinh Sư, trong phòng có ánh sáng lạ.

Sư xuất gia từ thuở thiếu thời, vào Kinh Đô tu học mấy năm, đã nổi tiếng khắp Kinh Lạc. Học chúng tôn sùng thỉnh Sư giảng lại, Sư giảng giải như nước rót từ bình này sang bình khác không sót. Gặp lúc Vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561 - 579) thời Bắc Chu phá diệt Phật Pháp, muốn chỉ còn lại Đạo giáo, bèn ban sắc nhóm họp tất cả Chư tăng và Đạo sĩ, hễ bên nào hơn thì giữ lại, còn bên kém thì phế bỏ. Khi ấy, sắc chiếu ban truyền khắp từ triều đình đến thôn dã. Các bậc Cao tăng phước nhạc Đạo Sĩ chẳng kể xa ngoài ngàn dặm những ai có yêu thuật đều nhóm họp về kinh đô. Tại điện Thái Cực, thiết bày tòa cao, đích thân Vua Võ Đế đến tham dự, ban sắc Đạo sĩ lên tòa trước. Bấy giờ, có Đạo sĩ Trương Tân là người đứng đầu lớn nhất trong Đạo giáo liền lên tòa cao, tuyên bố rằng: “Đại Đạo (Đạo giáo) thanh cao, thuần nhất không tạp. Cầu ân thỉnh phước trên thông đến Thiên tào, giữa ban ngày bay lên Tiên, thọ mạng đồng như đất trời, phong giáo trùm khắp, trước tại Trung Hạ, Vô thủ vô chung, muôn loài đều nhờ đó mà được sống mãi, ân lớn lợi dày chẳng thể sánh lường. Đâu phải như Phật Pháp hư huyền, nói quá sự thật, chẳng dung tại bảo quốc, làm khách ngụ ở Trung Hoa. Trăm họ không biết, tin lời quỷ quyết ấy. Ngày nay muốn định có che giấu chăng? Có thể xuất đầu ra xem? “Tương Thành Công Hà Thỏa tự hành Như Ý. Các Sa-môn Thủ tọa chùa Thiếu Lâm v.v... Thiên tức giận mà đứng dậy, Chư tăng ngăn cản bảo rằng: “Việc lớn hôm nay, Thiên Đế ở đây, không nên vội vàng! Biết

các Thiên sư là biển lớn Phật Pháp, những giữa khoảng ứng đối cần phải có người đầy đủ căn cơ biện tài”. Chúng tăng cùng nhau mưu bàn: “Nếu chẳng phải là Sa-môn Trí Huyền ở đất Thục thì không ai có thể đối đáp”. Cùng nhường chuỗi châu như ý để trao cho Sư. Sư đã vì chúng suy nhường, lại thêm vì tức giận Trương Tân nói lời càn rỡ, bèn an nhiên đứng dậy từ từ bước lên luận tòa, thân ngồi yên định, tay cầm chuỗi như ý, bảo với Trương Tân rằng: “Như những điều Tiên sinh trình bày là “Đại Đạo thanh cao, thuần nhất không tạp” lại bảo là “Phong giáo phát khởi từ thời nào? Giáo của sở thuyết thuyết tại xứ nào? Lại bảo: “Phật pháp chẳng dung ở bốn quốc, làm khách ngụ ở Trung Hoa”. Vậy có thể biện rõ Đạo phát sinh từ thời nào, Phật xuất hiện ở thời nào chẳng?” Trương Tân bảo: “Bậc Thánh xuất thế đâu cần phải định thời gian. Thuyết giáo hưng thịnh cần gì phải định nơi chốn? Đạo giáo từ xưa đến nay vốn có. Đâu phải như Phật Pháp gần đây từ Tây vực truyền đến?” Sư bảo: “Nếu nói không cần có thời gian thì lẽ ra không nên xuất hiện. Nếu không có nơi chốn nhất định thì lẽ ra không nên nói. Từ xưa đến nay vốn có chẳng cần phải thanh hư, trên cầu thỉnh tới Thiên Tào, không tạp sao được, thọ mạng đồng như đất trời, há được Vô tử Vô chung?” Trương Tân nói: “Đạo Nhân nói lời quá càn rỡ. Vì những bậc tiền Vương trước kia không biết nên lưu lại bọn các người còn đến ngày nay. Ngày nay, Thánh Đế đều phải giết hết”. Vua Võ Đế ghét lý ấy sai lệnh Xá nhân nói với Trương Tân rằng: “Tân Sư hãy nên bỏ xuống”. Trương Tân đã lui về, Vua Võ Đế tự lên tòa cao bảo rằng: “Trong Phật Pháp có ba thứ bất tịnh: 01- Là cưới Da-Du-Đà-La, đó là chủ bất tịnh. 02- Là trong kinh luật cho phép chúng tăng ăn dùng ba thứ tịnh nhục, đó là Giáo bất tịnh. 03- Là trong Chúng tăng có lắm người tạo tội ác, ưa thích hành Dâm dật. Khi Phật còn tại thế, Đồ chúng bất hòa, xúm quanh cùng kích phát tranh đấu nhau, đó là chúng bất tịnh. Như vậy Chủ, Pháp và chúng đều bất tịnh. Ý trẫm muốn trừ dẹp để chấm dứt sự hư huyền. Trong Đạo giáo không có các việc ấy nên Trẫm lưu lại để giúp nước nhà tiến hóa”. Vua nhìn lại Sư, bảo rằng: “Nếu có khả năng giải được ba nạn ấy mới thật là người tốt lành”. Sư liền trả lời rằng: “Điều Bệ hạ trình bày đều dẫn từ trong kinh luận, thật chẳng sai lầm. Nhưng thấy trong Đạo pháp, ba thứ bất tịnh còn hơn như thế. Xét về Thiên Tôn lúc ở cung Tử Vi có năm trăm Đồng nữ thường hầu. Đó là chủ bất tịnh rất quá lắm so với Da-Du-Đà-La chỉ là một người. Trang Giáo của Đạo sĩ, lúc chương lễ cầu phước thì phải có trăm mâm nem nai, mười hộc rượu trong. Đó là giáo bất tịnh, lại còn hơn so với ba thứ tịnh nhục. Tội lỗi của các Đạo sĩ đời đời đều có, ngàn xưa loạn thường, Khương Bân phạm pháp. Đó còn hơn so với chúng tăng. Tăng chúng tự tạo tội lỗi mới nói Phật pháp có công năng trừ bỏ. Giống như Chí tôn hưởng lộc nước nhà, nghiêm bày khoa điều, chẳng ngại nghịch tử phản thần nối nhau xuất hiện. Há đem tội nghịch con phản mà muốn ở nơi ngôi vị của Đại Bảo ư? Ngôi vị của Đại Bảo chẳng thể đem Tội con phản nghịch mà Không. Phật pháp chân chánh đâu thể vì chúng tăng Phạm tội mà phế dẹp?” Sư nhã nhận đề nén, lời tiếng rõ ràng, thấm nhuần. Tuy ở nơi Đại tiết mà chẳng tỏ vẻ lo sợ. Vua Võ Đế kinh ngạc hồi lâu, bảo với Sư rằng: “Điều nói Thiên tôn có năm trăm đồng nữ hầu xuất xứ từ kinh nào?” Sư bảo: “Nói xuất xứ từ Kinh Tam Hoàng”. Vua bảo: “Kinh Tam Hoàng không hề có nói lời ấy?” Sư bảo: “Tự vì Bệ hạ chẳng trông thấy, chứ đâu phải trong kinh ấy không có nói. Nay muốn phế dẹp Phật giáo, giữ lại Đạo giáo, cũng giống như lấy con Thử thay con Địch tôn”. Vua đổi sắc mặt mà xuống tòa, nhân đó đi vào nói điện. Các quan và chúng tăng đều kinh hãi bảo rằng: “Nói xúc phạm đến Thiên Đế, làm sao tự được an?” (Vị Võ Đế chẳng phải là con Địch tôn). Sư bảo: “Chủ nhục thì bề tôi chết. Giết chết như trở về, có gì phải sợ. Chợt có thể sớm chết mà thần thức chóng sinh về Tịnh Độ, đâu cùng Quân Vô Đạo đồng sống ở đời ư?” đại chúng đều mạnh dạn lời nói ấy. Sáng sớm hôm sau, Vua Võ Đế bèn ra lệnh phế dẹp cả Phật

giáo lẫn Đạo giáo. Nhưng cùng kính trọng Sư, hứa làm hôn nhân, mong cùng sửa chính. Sư càng gắng chí khí tiết tháo cùng ba người bạn đồng học đến kinh đô nhà Tề. Bấy giờ, giữa ranh giới của Bắc Chu và Bắc Tề đều đầy dẫy cọc rào dàn trải gai góc. Ở đó có một bà lão nhà giàu họ Trương trải Đệm giạ dài ba mươi dặm thỉnh Sư bước qua đó mà đến Bắc Tề, trở thành Tam tạng, tiếng tăm vang đến Đông Quốc. Vua Võ Đế nhà Bắc Chu đánh phá Nghiệp thành, trước sai người đi tìm. Vua có người em là Việt Vương trước kia kết bạn lành nông hậu với Sư, sợ Vua tức giận bày thêm khiển trách khác, bèn dùng roi đánh vào lưng có lằn vết, người thế tục đều thấy. Việt Vương trước nói rằng: “Thần hận ông ta trốn mạng lệnh nên đã đánh sáu mươi gậy”. Bảo cởi áo Vua xem. Vua đổi sắc mặt, và bảo: “Sợ ông ta có tâm hổ thẹn đi xa đến nỗi chết mất. do đó phải tìm gấp, bởi không có ý hại”. Và Vua trách Việt Vương rằng: “Kẻ sĩ trượng phu đâu được dùng roi đánh làm nhục như thế?” Đợi gấp càng sâu dày, nên cùng trở về kinh đô.

Đến lúc Vua Võ Đế băng (579), Vua Văn Đế (Dương Khiêm 581 - 605) đời Tùy đang làm tướng, mở mang Phật pháp, hai kinh đô đều quy hướng về một người mà thôi. Bấy giờ, tuổi Sư đã xế chiều, nhớ hoài quê cũ, dấy khởi ước mong. Lại vì ở Thục Xuyên xa xăm, áo nghĩa chưa được tuyên dương, Sư bèn dẫn đầu trở về hướng Tây, tâm vẫn còn chuyên việc giảng dạy. Thục Vương Tú chưa nhận biết về Sư. Bấy giờ, Trưởng sứ Chu Tuyên Minh vào triều xem xét. Vua Văn Đế - đời Tùy hỏi rằng: “Pháp Sư Trí Huyền có được an hòa chăng?” Vua Tuyên Minh kinh sợ chẳng biết trả lời thế nào. Vua Văn Đế bảo: “Bậc danh tăng của cả một nước mà ông còn không biết, làm sao thành kiểm hiệu được?” Tuyên Minh cúi đầu sát đất tỏ bày tạ tội đáng chết. Đến lúc trở về, trước tiên Tuyên Minh đến chùa tham lễ. Chùa xưa vốn ở tại phía Đông chật hẹp nơi vườn. Đó lại là chỗ Bà Dương Vương an táng mẹ. Vì Bà Dương Vương chí hiếu nên đặt tên chùa là chùa Hiếu Ái. Tuyên Minh dời đến chỗ ngày nay, cúng dường không thiếu sót. Đến khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605 - 617) đời Tùy đổi tên chùa là chùa Phước Thắng. Sư tuyên dương giáo pháp, cảm thấy mỗi một bèn vào ẩn cư trong núi Tam Học, mọi sự tiếp xúc trước mắt có nhiều cảm kích, bèn làm bài thơ “Du Sơn” rằng:

*Đỉnh đẹp tiếp tầng mây  
Cao ngất lên nửa trời  
Bật hang sâu càng rộng  
Ngọn cao dứt lại liền  
Cạnh đá khe nước vẹo  
Xoay dòng rót suối cong*

*Đồng hồng biết cỏ lạnh  
Xuân đến chim réo mừng  
Cây gắm không máy dệt  
Vượn hót há giả đàn  
Lá dày gió khó thổi  
Cành thưa ảnh dễ xuyên  
Ôm quyển ngồi ao vắng  
Roi gậy vui đồng hoang  
Tâm đi ngoài thanh hán  
Tưởng đặt bên mây trắng  
Tiếng tăm ta chẳng đoái*

*Dứt ý lại tiêu nhiên.”  
Đến năm một trăm lẻ hai tuổi,  
Sư không bệnh mà thị tịch.*